TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:159/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08-09-2023
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DA

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Vĩ.

Các Hội thẩm nhân dân: *1. Bà Trần Thị Liên*

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 08/09/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐắkLắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:643/2023/HNGĐ ngày 17 tháng 07 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 08 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 154/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 08 năm 2023 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mai D;sinh năm:1984(Có mặt)

-Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn L; sinh năm: 1982(Có mặt)

Cùng địa chỉ: xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI D VỤ ÁN:

1]. Theo nguyên đơn bà Trần Thị Mai D trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Tuấn L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Thuận, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 28/02/2005.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng nhất quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi không thể hòa giải, ông L đi ngoại tình với người phũ nữ khác, ngoài ra còn đi vay tiền góp của người ngoài xã hội không có khả năng trả nợ, vợ chồng sống ly thân hơn mấy tháng nay. Nay tôi xét thấy tình thương yêu vợ chồng

không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên tôi đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn L.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 03 con chung là: cháu Nguyễn Tuấn A- sinh ngày 20/7/2006; cháu Nguyễn Tuấn H; sinh ngày 05/11/2009 và cháu Nguyễn Tuấn H- sinh ngày 03/01/2011. Hiện các cháu đang ở với tôi.

Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 03 con chung đến tuổi thành niên vì tôi có điều kiện và thời gian chăm sóc con chung còn ông L không có điều kiện và thời gian chăm sóc con chung.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi và ông Nguyễn Tuấn L tự thỏa thuận.

-Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và ông Nguyễn Tuấn L tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2]. Bị đơn ông Nguyễn Tuấn L trình bày: Tôi đồng ý với lời trình bày của bà D.

Tôi và bà Trần Thị Mai D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Thuận, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 28/02/2005.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng nhất quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi không thể hòa giải, vợ chồng sống ly thân mấy tháng nay. Nay tôi xét thấy tình thương yêu vợ chồng, con cái vẫn còn nên tôi chưa đồng ý hôn với bà Trần Thị Mai D. Tôi đề nghị cho tôi thời gian để có cơ hội đoàn tụ với gia đình.

-Về con chung: Vợ chồng tôi có 03 con chung là: Cháu Nguyễn Tuấn A- sinh ngày 20/7/2006; cháu Nguyễn Tuấn H; sinh ngày 05/11/2009 và cháu Nguyễn Tuấn H- sinh ngày 03/01/2011. Hiện 03 cháu đang ở với bà D còn tôi đang ra ngoài thuê trọ sinh sống và buôn bán. Trường hợp phải ly hôn thì các cháu muốn ở với ai thì ở.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi và bà D tự thỏa thuận.

-Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và bà D tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: TrA chấp giữa nguyên đơn bà Trần Thị Mai D và bị đơn ông Nguyễn Tuấn L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Trần Thị Mai D và bị đơn ông Nguyễn Tuấn L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại theo quy định của pháp luật vào ngày

28/02/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk là hoàn toàn tự nguyện nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn:Vợ chồng bất đồng quan điểm hay cãi vã nhau, nặng lời xúc phạm đến nhau nên ông Nguyễn Tuấn L đã bỏ ra ngoài sinh sống. Bà Trần Thị Mai D và ông Nguyễn Tuấn L đã hàn gắn tình cảm nH không thành và tiếp tục mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly mấy tháng nay và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Như vậy giữa bà Trần Thị Mai D và ông Nguyễn Tuấn L sống chung có mâu thuẫn xảy ra nên cần chấp đơn ly hôn của bà Trần Thị Mai D và cho bà Trần Thị Mai D được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn L.

-Về con chung: Bà Trần Thị Mai D và ông Nguyễn Tuấn L có 03 con chung là cháu Nguyễn Tuấn A- sinh ngày 20/7/2006; cháu Nguyễn Tuấn H; sinh ngày 05/11/2009 và cháu Nguyễn Tuấn H- sinh ngày 03/01/2011. Khi ly hôn bà Trần Thị Mai D có nguyện vọng được được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành vì bà D có điều kiện và chăm sóc con chung.

Xét nguyện vọng của bà Trần Thị Mai D và nguyện vọng của cháu Nguyễn Tuấn A; cháu Nguyễn Tuấn H và cháu Nguyễn Tuấn H là được muốn ở với bà D khi ly hôn. Xét đây là nguyện vọng chính đáng nên cần giao cháu Nguyễn Tuấn A- sinh ngày 20/7/2006; cháu Nguyễn Tuấn H; sinh ngày 05/11/2009 và cháu Nguyễn Tuấn H- sinh ngày 03/01/2011 cho bà Trần Thị Mai D được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành là phù hợp.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị Mai D và ông Nguyễn Tuấn L tự thỏa thuận nên không xem xét.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Mai D và ông Nguyễn Tuấn L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị Mai D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khỏan 1 Điều 39; Điều 146; điểm a khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Mai D.

1. Về quan hệ hôn nhân:Cho bà Trần Thị Mai D được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn A- sinh ngày 20/7/2006; cháu Nguyễn Tuấn H; sinh ngày 05/11/2009 và cháu Nguyễn Tuấn H- sinh ngày 03/01/2011 cho bà Trần Thị Mai D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành (18 tuổi).

Ông Nguyễn Tuấn L được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị Mai D và ông Nguyễn Tuấn L tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Mai D và ông Nguyễn Tuấn L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5.Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Trần Thị Mai D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà D đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0003012 ngày 13/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột. Ông Nguyễn Tuấn L không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND TP.BMT;
-CCTHADS TP.BMT;
-UBND xã Hòa Thuận
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ